

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thủy mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Vu*



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

311250
CHI N
CÔN
ỊCH NH
ĐELO
VIỆT
1 - TP

Số: 465 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

0-002
HÀNH
S TY
NHỮU
ITTI
NAM
HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		682.381.425.335		606.333.258.360	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	130.392.029.221		185.782.344.139	
1. Tiền	111		3.205.473.336		2.110.798.462	
2. Các khoản tương đương tiền	112		127.186.555.885		183.671.545.677	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		441.352.656.116		257.384.941.666	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	441.352.656.116		257.384.941.666	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.034.803.329		155.822.566.861	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	49.037.474.137		130.225.686.638	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		120.377.500		409.852.475	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	52.684.687.646		37.324.886.240	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(807.735.954)		(12.137.858.492)	
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.376.738.563		6.832.213.016	
1. Hàng tồn kho	141		7.376.738.563		6.832.213.016	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.225.198.106		511.192.678	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.465.262		92.492.678	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.149.732.844		-	
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-		418.700.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		659.890.617.411		776.789.377.465	
I. Tài sản cố định	220		307.859.430.486		423.143.776.113	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	292.073.390.190		406.841.419.149	
- Nguyên giá	222		1.977.402.618.599		1.972.930.283.716	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.685.329.228.409)		(1.566.088.864.567)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	15.786.040.296		16.302.356.964	
- Nguyên giá	228		17.417.750.910		17.417.750.910	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.631.710.614)		(1.115.393.946)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.128.628.795		-	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.128.628.795		-	
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		348.170.084.318		353.645.601.352	
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	186.134.430.000		186.134.430.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	17.800.000.000		8.400.000.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	150.860.000.000		152.080.000.000	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(17.308.595.704)		(13.968.828.648)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	10.684.250.022		21.000.000.000	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.732.473.812		-	
1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.732.473.812		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.342.272.042.746		1.383.122.635.825	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		306.468.987.026	362.393.903.346
I. Nợ ngắn hạn	310		100.729.793.808	133.290.265.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.553.056.770	7.204.058.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.438.000	96.954.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	12.339.228.839	40.325.043.485
4. Phải trả người lao động	314		17.274.436.151	26.062.702.321
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.089.339.351	13.008.497.734
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	7.352.774.874	6.760.544.035
7. Vay ngắn hạn	320	19	45.350.025.691	32.348.186.150
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.752.494.132	7.484.278.038
II. Nợ dài hạn	330		205.739.193.218	229.103.638.250
1. Vay dài hạn	338	20	202.079.000.000	227.079.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.917.041.375	2.024.638.250
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.743.151.843	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.035.803.055.720	1.020.728.732.479
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.035.803.055.720	1.020.728.732.479
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.688.965.210	28.589.508.420
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		208.659.722.419	235.684.855.968
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		9.017.325.178	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		199.642.397.241	235.684.855.968
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.342.272.042.746	1.383.122.635.825

Bùi Thị Kim Na

Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			505.088.667.722	641.619.616.847
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23		505.088.667.722	641.619.616.847
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24		241.271.333.593	278.470.925.782
4. Lợi nhuận gộp (20 = 10-11)	20			263.817.334.129	363.148.691.065
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21			27.167.821.266	24.488.560.235
6. Chi phí tài chính	22	26		25.120.074.101	42.138.404.261
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			21.780.307.045	28.169.575.613
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27		12.998.673.931	39.489.144.938
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30			252.866.407.363	306.009.702.101
9. Thu nhập khác	31			515.485.579	899.152.875
10. Chi phí khác	32			411.219.567	473.479.198
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			104.266.012	425.673.677
12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50			252.970.673.375	306.435.375.778
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28		53.328.276.134	70.400.519.810
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60			199.642.397.241	236.034.855.968

Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

2500-1
NHÀ
ĐANG T
NHIỆM
LOIT
T N
TP. HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	252.970.673.375	306.435.375.778
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	121.510.123.778	131.697.808.020
Các khoản dự phòng	03	(7.990.355.482)	26.025.001.476
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.171.236.187)	(24.770.591.641)
Chi phí lãi vay	06	21.780.307.045	28.169.575.613
Các khoản điều chỉnh khác	07	1.743.151.843	-
<i>3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	362.842.664.372	467.557.169.246
Thay đổi các khoản phải thu	09	73.750.890.463	(87.704.390.328)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(544.525.547)	(1.545.622.605)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(27.454.739.232)	(19.666.305.949)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(2.715.446.396)	106.338.230
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.699.465.428)	(28.988.694.477)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(75.270.233.607)	(45.846.374.024)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	360.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.659.857.906)	(4.470.832.599)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	295.609.286.719	279.441.287.494
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.354.406.946)	(12.564.619.640)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.414.921	329.178.188
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(279.451.964.472)	(161.036.799.871)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	105.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.180.000.000)	(2.400.000.000)
6. Tiền thu lãi tiền gửi	27	24.680.488.819	18.790.656.080
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(164.502.467.678)	(156.881.585.243)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	306.691.357.763	264.427.186.150
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(318.689.518.222)	(270.829.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(174.498.973.500)	(140.408.958.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(186.497.133.959)	(146.810.771.950)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(55.390.314.918)	(24.251.069.699)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	185.782.344.139	210.033.413.838
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	130.392.029.221	185.782.344.139

Bui Thuy Kim Na

Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huynh Van Khanh

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyen Thanh Phu
Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4403000108 ngày 01 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty phát điện 2-Công ty TNHH MTV – Cổ đông Nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 130 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 133 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy; cho thuê phương tiện giao thông; kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, du lịch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con:

- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa

Các công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con và các công ty liên kết vào báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải vay, các khoản trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 20
Thiết bị văn phòng	05 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10). Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 152 /2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên, hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành biểu mức thuế suất Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Trong đó, bên liên quan của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính riêng là các công ty con, công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	890.912.123	1.094.236.901
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.314.561.213	1.016.561.561
Các khoản tương đương tiền	127.186.555.885	183.671.545.677
	<u>130.392.029.221</u>	<u>185.782.344.139</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước với thời hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 4% đến 4,6% một năm (năm 2014: lãi suất từ 4,5 đến 5% một năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	<u>441.352.656.116</u>	<u>441.352.656.116</u>	<u>257.384.941.666</u>	<u>257.384.941.666</u>
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	<u>10.684.250.022</u>	<u>10.684.250.022</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>

Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 6% đến 7% một năm (năm 2014: 6% đến 7,5% một năm). Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền gửi nêu trên có thời hạn còn lại đến khi đáo hạn dưới 12 tháng.

00-00
 NHÂN
 CÔNG TY
 KIỂM HỨ
 ĐTT
 T NAI
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bình Phước, Chi nhánh Phước Long với lãi suất 6,4% một năm (năm 2014: Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình, Chi nhánh Bình Phước với số tiền 20.000.000.000 đồng, lãi suất 6,5% một năm và Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ với số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 10,5% một năm). Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền gửi nêu trên có thời hạn còn lại đến khi đáo hạn trên 12 tháng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng các bên liên quan	47.189.133.820	128.634.642.829
<i>Công ty Mua bán điện</i>	<i>46.337.756.103</i>	<i>127.598.712.997</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa</i>	<i>-</i>	<i>1.035.929.832</i>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</i>	<i>215.218.080</i>	<i>-</i>
<i>Ban quản lý Dự án Thủy điện 6</i>	<i>636.159.637</i>	<i>-</i>
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.848.340.317	1.591.043.809
	<u>49.037.474.137</u>	<u>130.225.686.638</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng - Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	26.865.228.573	19.963.104.346
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk	-	10.749.260.242
Phải thu Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	15.898.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.475.749.133	5.988.418.044
Phải thu khác	1.445.709.940	624.103.608
	<u>52.684.687.646</u>	<u>37.324.886.240</u>

9. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị lập dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk	-	-	-	10.749.260.242	-	10.749.260.242
Các đối tượng khác	980.048.304	172.312.350	807.735.954	2.093.784.020	705.185.770	1.388.598.250
	<u>980.048.304</u>	<u>172.312.350</u>	<u>807.735.954</u>	<u>12.843.044.262</u>	<u>705.185.770</u>	<u>12.137.858.492</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	452.765.075	4.016.124.379
Công cụ, dụng cụ	96.154.931	98.797.723
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.827.818.557	2.717.290.914
	<u>7.376.738.563</u>	<u>6.832.213.016</u>

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty không có hàng tồn kho quá hạn sử dụng, bị lỗi thời cần trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	1.242.387.984.509	603.505.408.552	116.772.475.869	10.264.414.786	1.972.930.283.716
Tăng trong năm	-	891.800.280	1.095.872.727	-	1.987.673.007
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.737.424.033	1.500.681.111	-	-	4.238.105.144
Thanh lý	-	(1.311.572.218)	-	(441.871.050)	(1.753.443.268)
Tại ngày 31/12/2015	1.245.125.408.542	604.586.317.725	117.868.348.596	9.822.543.736	1.977.402.618.599
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	850.054.421.580	597.009.909.480	109.832.852.850	9.191.680.657	1.566.088.864.567
Khấu hao trong năm	115.357.846.631	1.292.890.656	4.042.222.671	300.847.152	120.993.807.110
Thanh lý	-	(1.311.572.218)	-	(441.871.050)	(1.753.443.268)
Tại ngày 31/12/2015	965.412.268.211	596.991.227.918	113.875.075.521	9.050.656.759	1.685.329.228.409
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	279.713.140.331	7.595.089.807	3.993.273.075	771.886.977	292.073.390.190
Tại ngày 31/12/2014	392.333.562.929	6.495.499.072	6.939.623.019	1.072.734.129	406.841.419.149

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 798.811.670.740 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 603.897.589.371 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 280.135.453.581 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 396.764.670.585 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Thị xã Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01 tháng 9 năm 2009 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá và giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này lần lượt là 5.803.347.185 đồng và 4.860.356.891 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.803.347.185 đồng và 5.036.215.895 đồng).
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07 tháng 9 năm 2009 đến ngày 07 tháng 12 năm 2059. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá và giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này lần lượt là 4.266.217.575 đồng và 3.830.889.255 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.266.217.575 đồng và 3.917.954.919 đồng).
- Quyền sử dụng thửa đất số 12 tại Thị xã Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 29 năm, từ ngày 29 tháng 12 năm 2014 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá và giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này lần lượt là 7.348.186.150 đồng và 7.094.794.150 đồng (năm 2014: quyền sử dụng đất này được đưa vào sử dụng từ ngày 31 tháng 12 năm 2014).

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	31/12/2015 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng	99,78%	99,92%	137.200.000.000	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Gia Lai	61,52%	61,52%	48.934.430.000	Thủy điện
				186.134.430.000	

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (*)	Bình Thuận	20%	20%	16.400.000.000	8.400.000.000	Phong điện - đang xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	Bình Phước	35%	35%	1.400.000.000	-	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
				17.800.000.000	8.400.000.000	

(*) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không thay đổi so với 31 tháng 12 năm 2014.

125
HI
CÓN
THNH
EL
VIỆ
T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai	1.280.000.000	-	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	-	-	1.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	(17.308.595.704)	149.580.000.000	(13.968.828.648)
	<u>150.860.000.000</u>	<u>(17.308.595.704)</u>	<u>152.080.000.000</u>	<u>(13.968.828.648)</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.530.237.429	45.567.848.485	48.098.085.914	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.661.949.190	53.328.276.134	75.270.233.607	8.719.991.717
Thuế thu nhập cá nhân	20.574.808	2.785.592.753	2.798.894.736	7.272.825
Thuế tài nguyên	2.373.024.058	41.059.497.713	41.344.683.474	2.087.838.297
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	41.184.000	41.184.000	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.739.258.000	12.790.702.480	16.005.834.480	1.524.126.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.600.409.767	1.600.409.767	-
	<u>40.325.043.485</u>	<u>157.173.511.332</u>	<u>185.159.325.978</u>	<u>12.339.228.839</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí lãi vay trích trước tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Kinh phí công đoàn	29.900.000	30.147.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	6.457.085.712	5.956.059.212
Các khoản phải trả khác	865.789.162	774.337.823
	<u>7.352.774.874</u>	<u>6.760.544.035</u>

19. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Vay ngắn hạn (*)	20.350.025.691	7.348.186.150
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	25.000.000.000	25.000.000.000
	<u>45.350.025.691</u>	<u>32.348.186.150</u>

10-002-C
HÀNH
G TY
EM HỮU H
DITTE
NAM
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

(*) Khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 từ Hợp đồng tín dụng số 15005/2015-HĐTD/NHCT504-THACMO ký ngày 30 tháng 01 năm 2015 với hạn mức tín dụng được cấp là 28.000.000.000 đồng, Hợp đồng tín dụng số 150050/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 15 tháng 4 năm 2015, Hợp đồng tín dụng số 150085/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 30 tháng 06 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 150105/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 17 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000.000 đồng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Phước với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay không quá 28 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước.

Như trình bày tại Thuyết minh số 29, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

20. VAY DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		
- Chi nhánh Bình Phước	227.079.000.000	252.079.000.000
	<u>227.079.000.000</u>	<u>252.079.000.000</u>
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>202.079.000.000</u>	<u>227.079.000.000</u>

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, theo Hợp đồng tín dụng 14420023/2014 - HDDTDDDA/NHCT504-THACMO ngày 10 tháng 4 năm 2014 với mục đích trả nợ vay cho Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi vay được điều chỉnh và thanh toán 03 tháng một lần, nợ gốc được thanh toán 06 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bởi nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị như trình bày ở Thuyết minh số 11.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	167.500.000.000	132.500.000.000
Sau năm năm	34.579.000.000	94.579.000.000
	<u>227.079.000.000</u>	<u>252.079.000.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 19)	25.000.000.000	25.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>202.079.000.000</u>	<u>227.079.000.000</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 29, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÀU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	24.215.409.893	149.430.503.527	930.100.281.511
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	236.034.855.968	236.034.855.968
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.374.098.527	(4.374.098.527)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.056.405.000)	(5.056.405.000)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	28.589.508.420	235.684.855.968	1.020.728.732.479
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	199.642.397.241	199.642.397.241
Phân phối lợi nhuận	-	-	42.099.456.790	(42.099.456.790)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.918.074.000)	(9.918.074.000)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(175.000.000.000)	(175.000.000.000)
Tăng khác	-	-	-	350.000.000	350.000.000
Tại ngày 31/12/2015	700.000.000.000	56.454.368.091	70.688.965.210	208.659.722.419	1.035.803.055.720

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-TMHP-C-DHĐCD ngày 29 tháng 5 năm 2015, Công ty đã công bố cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 với số tiền là 175.000.000.000 đồng. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển với số tiền là 42.099.456.790 đồng, và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 9.918.074.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	700.000.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	70.000.000	70.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Tên cổ đông	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	289.437.400.000	41,35	273.151.100.000	39,02
Các cổ đông khác	47.147.600.000	6,73	63.433.900.000	9,06
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

Trong năm, Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh đã mua thêm 1.628.630 cổ phiếu và tăng tỉ lệ sở hữu từ 39,02% lên 41,35% vốn điều lệ của Công ty.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán điện	498.333.032.445	635.417.975.595
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.755.635.277	6.201.641.252
	505.088.667.722	641.619.616.847

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn sản xuất điện	236.134.219.910	274.233.639.493
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.137.113.683	4.237.286.289
	<u><u>241.271.333.593</u></u>	<u><u>278.470.925.782</u></u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	2.597.370.611	3.464.448.619
Chi phí nhân công	32.826.632.994	39.123.798.380
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.510.123.778	131.697.808.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.997.905.294	4.023.126.060
Chi phí sửa chữa lớn	36.696.861.778	43.200.220.639
Chi phí khác bằng tiền	57.641.113.069	92.213.382.713
	<u><u>254.270.007.524</u></u>	<u><u>313.722.784.431</u></u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay	21.780.307.045	28.169.575.613
Dự phòng đầu tư dài hạn	3.339.767.056	13.968.828.648
	<u><u>25.120.074.101</u></u>	<u><u>42.138.404.261</u></u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	1.632.709.480	1.515.560.610
Chi phí nhân công	13.320.449.747	15.938.474.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.184.556.146	725.791.819
Chi phí dự phòng	(11.330.122.538)	14.193.175.578
Trích lập Quỹ Khoa học và Công nghệ	1.743.151.843	-
Chi phí khác bằng tiền	6.447.929.253	7.116.142.081
	<u><u>12.998.673.931</u></u>	<u><u>39.489.144.938</u></u>
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(11.600.916.555)	(37.087.750)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	252.970.673.375	306.435.375.778
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(11.708.513.430)</i>	<i>(525.087.750)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.139.095.210</i>	<i>14.445.498.828</i>
Thu nhập tính thuế	242.401.255.155	320.355.786.856
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	53.328.276.134	70.478.273.108
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	<i>(77.753.298)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	53.328.276.134	70.400.519.810

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2014: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	247.429.025.691	259.427.186.150
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	130.392.029.221	185.782.344.139
Nợ thuần	117.036.996.470	73.644.842.011
Vốn chủ sở hữu	1.035.803.055.720	1.020.728.732.479
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,11	0,07

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.392.029.221	185.782.344.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.914.425.829	155.412.714.386
Các khoản đầu tư ngắn hạn	441.352.656.116	257.384.941.666
Các khoản đầu tư dài hạn	144.235.654.318	159.111.171.352
	816.894.765.484	757.691.171.543
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	247.429.025.691	259.427.186.150
Phải trả người bán và phải trả khác	2.448.745.932	8.010.823.294
Chi phí phải trả	5.089.339.351	13.008.497.734
	254.967.110.974	280.446.507.178

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 4.948.580.514 đồng (năm 2014: giảm/tăng 5.188.543.723 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải vì mục đích kinh doanh mà cho chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.392.029.221	-	-	130.392.029.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.914.425.829	-	-	100.914.425.829
Các khoản đầu tư ngắn hạn	441.352.656.116	-	-	441.352.656.116
Các khoản đầu tư dài hạn	-	10.684.250.022	133.551.404.296	144.235.654.318
	672.659.111.166	10.684.250.022	133.551.404.296	816.894.765.484
31/12/2015				
Các khoản vay	45.350.025.691	167.500.000.000	34.579.000.000	247.429.025.691
Phải trả người bán và phải trả khác	2.448.745.932	-	-	2.448.745.932
Chi phí phải trả	5.089.339.351	-	-	5.089.339.351
	52.888.110.974	167.500.000.000	34.579.000.000	254.967.110.974
Chênh lệch thanh khoản thuần	619.771.000.192	(156.815.749.978)	98.972.404.296	561.927.654.510
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.782.344.139	-	-	185.782.344.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.412.714.386	-	-	155.412.714.386
Các khoản đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	-	-	257.384.941.666
Các khoản đầu tư dài hạn	-	21.000.000.000	138.111.171.352	159.111.171.352
	598.580.000.191	21.000.000.000	138.111.171.352	757.691.171.543
31/12/2014				
Các khoản vay	32.348.186.150	132.500.000.000	94.579.000.000	259.427.186.150
Phải trả người bán và phải trả khác	8.010.823.294	-	-	8.010.823.294
Chi phí phải trả	13.008.497.734	-	-	13.008.497.734
	53.367.507.178	132.500.000.000	94.579.000.000	280.446.507.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	545.212.493.013	(111.500.000.000)	43.532.171.352	477.244.664.365

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 8.475.749.133 đồng (năm 2014: 5.988.418.044 đồng), là lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm 5.089.339.351 đồng (năm 2014: 13.008.497.734 đồng), là chi phí lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Đồng thời, tiền chi trả lãi vay trong năm cũng không bao gồm 6.876.704.790 đồng (năm 2014: không phát sinh), là tiền lãi vay phát sinh trong năm đã được bù trừ với khoản phải thu tiền bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MÀU B 09-DN

31. SỞ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	257.384.941.666	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	257.384.941.666
2. Phải thu khách hàng	131	130.225.686.638	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	130.225.686.638
3. Trả trước cho người bán	132	409.852.475	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	409.852.475
4. Các khoản phải thu khác	135	37.324.886.240	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	37.324.886.240
5. Đầu tư dài hạn khác	258	173.080.000.000	5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	152.080.000.000
6. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	(13.968.828.648)	6. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(13.968.828.648)
		584.456.538.371	7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	21.000.000.000
					584.456.538.371
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	7.204.058.471	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	7.204.058.471
2. Người mua trả tiền trước	313	96.954.862	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	96.954.862
3. Chi phí phải trả	316	13.008.497.734	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13.008.497.734
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.760.544.035	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.760.544.035
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	32.348.186.150	5. Vay ngắn hạn	320	32.348.186.150
6. Vay và nợ dài hạn	334	227.079.000.000	6. Vay dài hạn	338	227.079.000.000
7. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	2.024.638.250	7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	2.024.638.250
8. Vốn cổ phần	411	700.000.000.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000
		988.521.879.502			988.521.879.502

Baunh

luuu



Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

